Now please try to tell the exactly TIME about your Father or Mother's daily routine.

B AND F	ATLIED	ODBA	THIED	CDAN
IV/I V	-41464		OTHER'	SIDAY

## 他/她几点+do something?

I will interview my	(Please write your father or mother)
liùdiǎngǐ chuáng qǐ chuáng Examples: 六点起床 起床 6:00 AM	
qǐchuáng 1. 起床	-
shàngxué 2. 上学	
zǎocān zǎofàn 3. 早餐/早饭	
wǔcān wǔfàn 4. 午餐/午饭	
fàngxué 5. 放学	_
wǎncān wǎnfàn 6. 晚餐 / 晚饭	
xǐliǎn 7. 洗脸	
shuāyá 8. 刷牙	
xǐzǎo 9. 洗澡	
shùjiào 10 睡労	